

Bản án số:43/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/11/2023.

“V/v Ly hôn.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL TỈNH TV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

2. Ông Thạch Th Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Thạch Ươn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 558/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Cao Thị H, sinh năm: 1963 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 9C, xã An Trường A, huyện CL, tỉnh TV.

2. Bị đơn: ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1967 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp 9C, xã An Trường A, huyện CL, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:

Trước đây vào năm 1992 bà với ông Hoàng Xuân T tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó dẫn đến tổ chức lễ cưới, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trường A, huyện CL, tỉnh TV vào ngày 02/8/2006, về nữ trang ngày cưới bên CH không có cho. Trong quá trình sống chung bà với ông Hoàng Xuân T có 02 đứa con chung tên: Hoàng Xuân Th, sinh ngày 21/5/1993, và Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 30/01/2000, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai người thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, việc đi lại, công việc làm ăn không tin tưởng nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của bà với ông Hoàng Xuân T không có hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Hoàng Xuân T, về 02 con chung nay đã trưởng thành muốn sống với ai tùy các con.

Về tài sản chung: có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà bận công việc làm ăn xa, bà không đến dự phiên tòa được, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông Hoàng Xuân T trình bày: ông với bà Cao Thị H tự tìm hiểu quen biết, sau đó dẫn đến cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã An Trường A, huyện CL, tỉnh TV, trong quá trình sống chung có được 02 con chung, tên Hoàng Xuân Th, sinh ngày 21/5/1993, và Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 30/01/2000, ông bà sống hạnh phúc được 28 năm, có lần ông uống rượu say về xúc phạm bà, ông đã biết lỗi và có xin lỗi bà, và ông thấy chuyện xít mích nhỏ không có gì mà vợ chồng phải ly hôn, ông yêu cầu đoàn tụ để nuôi dạy con.

Về tài sản chung: có nhưng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL không tham gia phiên tòa nên không có phát biểu ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Cao Thị H và ông Hoàng Xuân T xác lập quan hệ hôn nhân, và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 02 tháng 8 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã An Trường A, huyện CL, tỉnh TV đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung bà Cao Thị H với ông Hoàng Xuân T có 02 con chung tên Hoàng Xuân Th, sinh ngày 21/5/1993, và Hoàng Thị Thùy L, sinh ngày 30/01/2000, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai người thường xuyên cãi nhau, trong việc đi lại, và công việc làm ăn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến ly thân 03 năm nay.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Cao Thị H và ông Hoàng Xuân T không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được, nên bà H làm đơn xin được ly hôn với ông T, về con chung 02 con đã trưởng thành sống chung với ai là tùy các con.

[3] Đối với ông Hoàng Xuân T, Tòa án có triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng ông cố tình vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được, mặt dù Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án và thông báo việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, cũng như quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Do ông T cố tình vắng mặt xem như ông từ bỏ quyền lợi của ông tại phiên tòa.

[4] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai người sống với nhau được 02 con chung, ông T không tin tưởng bà H trong việc đi lại làm ăn từ đó dẫn đến cuộc

sống vợ chồng không có hạnh phúc, và ông thường xuyên cãi nhau, trong thời gian sống ly thân ông không có thiện chí đoàn tụ nên ông bỏ mặt bà. Từ đó, nên bà H quyết định xin ly hôn với ông Hoàng Xuân T. Và qua lời khai của bà H và ông T, về tài sản chung: có nhưng tự thỏa thuận bà H không yêu cầu giải quyết, và nợ chung: thì không có thiếu ai, có 02 con chung nay đã trưởng thành.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của bà Cao Thị H với ông Hoàng Xuân T không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ hai người đã sống ly thân nhau 03 năm nay. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy việc bà H xin ly hôn với ông Hoàng Xuân T, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị H là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[5]Về con chung: do 02 con đã trưởng thành muốn sống với ai là tùy các con, nên không xem xét.

[6]Về tài sản chung: do bà Cao Thị H khai có nhưng tự thỏa thuận; về nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]Án phí: bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vị kiểm sát viên không tham gia phiên tòa, nên không có quan điểm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: các Điều 19; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị H.

Cho bà Cao Thị H được ly hôn với ông Hoàng Xuân T.

Về con chung: bà Cao Thị H khai có 02 con chung tên: Hoàng Xuân Th, sinh ngày 21/5/1993, và Hoàng Thị Thuỳ L, sinh ngày 30/01/2000, nay đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản: có nhưng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: bà Cao Thị H khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền AA/2020, số: 0013622, ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Nên bà H không phải nộp thêm tiền án phí.

Ông Hoàng Xuân T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b, và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

